

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 147 /2021/HC-PT
Ngày 25/6/2021*

*“Khởi kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải
phóng mặt bằng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 610/2020/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2020 “V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng”, do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2020/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4614/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự:

**** Người khởi kiện:***

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số 194 PVD, tổ 1 phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người bị kiện:***

Ủy ban nhân dân (UBND) quận CG, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H1 - Phó chủ tịch UBND quận CG (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- UBND phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thìn C - Phó chủ tịch UBND phường MD (có mặt).

- Ông Nguyễn Tuấn X, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 194A Phạm Văn Đồng, tổ 1 phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bà Phương Thị D, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 466, tổ 19, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Chị Hoàng Diệu Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 466, tổ 19, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phương Thị D (có mặt).

- Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 466, tổ 19, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội (có mặt).

*** *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông X, bà D:*** Các Luật sư Dương Hữu Đ và Nguyễn Huy A - Văn phòng luật sư HA, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt Luật sư A, vắng mặt Luật sư Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Ngày 15/10/2016, bà Nguyễn Thị H nhận được 02 quyết định gồm:

- Quyết định hành chính số 3958/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND quận CG, thành phố Hà Nội (viết và gọi tắt là Quyết định số 3958) đã thu hồi diện tích đất nông nghiệp do bà đứng tên, đất có nguồn gốc được giao tại xóm xứ Đồng Cóm, phường MD, quận CG; các tài sản trên đất là thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D. Toàn bộ diện tích đất bà đang đứng tên sử dụng thuộc chỉ giới thu hồi là 264,1 m², trong đó: 153,6 m² đất nông nghiệp được giao, 86,9 m² đất nông nghiệp đứng tên Hợp tác xã (HTX) theo sổ bộ quản lý đất nông nghiệp lưu tại phường, 20,9 m² đất giao thông. Việc thu hồi đất là để mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long.

- Quyết định hành chính số 3975/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND quận CG, thành phố Hà Nội (viết và gọi tắt là Quyết định số 3975) “V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long và phương án bồi thường chi tiết” cho gia đình bà. Cụ thể như sau:

Tổng diện tích đất đang sử dụng là 277,4 m²; trong đó: Diện tích đất bị thu hồi là 264,1 m² (gồm 153,6 m² đất nông nghiệp, ủy ban cho rằng gia đình tự chuyển đổi công trình xây dựng để kinh doanh khoảng năm 1994; 20,9 m² đất giao thông theo bản đồ năm 1994 và gia đình lần chiếm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004). Diện tích đất còn lại ngoài chỉ giới giải phóng mặt bằng là 13,3 m². Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 61.286.400 đồng.

Do không đồng ý với hai quyết định nêu trên, bà khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 của UBND quận CG; yêu cầu phải bồi thường thêm cho ông X một suất đền bù giống như bà, vì bà và ông

Nguyễn Tuấn X đã ly hôn với nhau từ năm 1983 theo quyết định của Tòa án huyện Từ Liêm.

Sau khi ly hôn, bà và ông X không chia tài sản chung là đất nông nghiệp. Đối với diện tích đất nông nghiệp bà và ông X bán cho bà Phương Thị D thì chỉ có văn bản viết tay, chưa làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài những vấn đề trên, bà H không trình bày vấn đề gì khác.

*** Người bị kiện là UBND quận CG trình bày:**

Người bị kiện đã có bản tự khai gửi Tòa án, nay vẫn giữ nguyên các nội dung đã nêu; khẳng định: UBND quận đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình tại Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 là đúng chính sách, quy định tại thời điểm GPMB thực hiện dự án. Cụ thể:

1. Về Quyết định số 3975 của UBND quận CG:

Ngày 16/9/2016, UBND phường MD đã có xác nhận số 932/UBND-ĐC về loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trong đó nêu:

- Người sử dụng đất: Nguyễn Thị H; HKTT: Tổ 1, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội.

- Người sở hữu tài sản trên đất: Nguyễn Tuấn X; HKTT: Tổ 1, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội.

- Người sở hữu tài sản trên đất: Phương Thị D; HKTT: Số 466, tổ 19, phường LT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ bị thu hồi: Xứ đồng Đồng Côm.

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 277,4 m².

- Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tại dự án: 264,1 m².

+ Diện tích đất nông nghiệp được giao: 153,6 m²; Chiếm 32% đất nông nghiệp trong số 480 m² được giao. Gia đình tự chuyển đổi xây dựng công trình để kinh doanh khoảng năm 1994.

+ Diện tích đất nông nghiệp có trong sổ quản lý của HTX: 480 m²; số thứ tự: 46, đội sản xuất: Đồng Xa 2, xứ đồng: Đồng Côm, tên chủ sử dụng: Nguyễn Thị H; Diện tích đất nông nghiệp có trong sổ bộ thuế của UBND phường: 480 m²; năm 2008; số thứ tự: 39, đội sản xuất: Đồng Xa 2, tên chủ sử dụng: Nguyễn Thị H.

+ Diện tích đất gia đình tự ý sử dụng đất nông nghiệp do HTX quản lý: 89,6 m². Gia đình tự ý chuyển đổi xây dựng công trình để kinh doanh khoảng năm 1994.

+ Diện tích đất lấn chiếm: 20,9 m². Trong đó: Diện tích đất lấn giao thông 20,9 m² (theo bản đồ năm 1994) do UBND phường quản lý. Thời điểm sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

Ngày 22/8/2016 UBND thành phố Hà Nội ban hành Thông báo số 304/TB-UBND về việc chấp thuận chính sách hỗ trợ đối với đất nông nghiệp tự chuyển đổi mục đích sang làm nhà ở hoặc sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III.

Tại điểm 1 mục II Thông báo số 304/TB-UBND có nêu: “Trường hợp tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Hỗ trợ bằng 40% đơn giá sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí đơn giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội đối với diện tích đất thực tế có xây dựng công trình phục vụ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp bị thu hồi nhưng tối đa không quá 90 m²/chủ sử dụng”.

Tại dự án, có hộ gia đình nhà bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn X đều là xã viên HTX được giao 2 thửa đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB nhưng chỉ đứng tên bà Nguyễn Thị H trong sổ theo dõi của HTX (thửa đất số 147, diện tích trong chỉ giới GPMB: 264,1 m². Thửa đất số 148, diện tích trong chỉ giới GPMB: 359,8 m²), khi thu hồi diện tích đất 359,8 m² thì bà H đã được hưởng đủ hạn mức hỗ trợ về đất theo chính sách đặc thù nêu trên. Do đó, tại thửa đất bị thu hồi có diện tích 264,1 m², bà H chỉ được xem xét bồi thường, hỗ trợ về đất theo giá đất nông nghiệp hiện hành.

Thực hiện Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về việc quy định giá các loại đất nêu trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019; ngày 03/10/2016, UBND quận CG ban hành Quyết định số 3975/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị H. Cụ thể:

- Họ và tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị H;
- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất: Nguyễn Tuấn X;
- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất: Phương Thị D;
- Địa chỉ bị thu hồi: Xứ đồng Đồng Côm, phường Mai Dịch.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất: 61.286.400 đồng. Bao gồm:

+ 153,6 m² x 252.000 đồng/m² = 38.707.200 đồng

+ 89,6 m² x 252.000 đồng/m² = 22.579.200 đồng

+ 20,9 m² có nguồn gốc là đất giao thông, không được bồi thường, hỗ trợ.

2. Về Quyết định số 3958 của UBND quận CG:

Ngày 03/10/2016, UBND quận CG ban hành Quyết định số 3958 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III.

Việc UBND quận CG ban hành các quyết định nêu trên để thực hiện dự án là đúng thẩm quyền, đúng chính sách, hồ sơ và tài liệu tại thời điểm giải phóng mặt bằng, hoàn toàn đúng quy định theo Quyết định số 21/2014/QĐ-

UBND ngày 20/6/2014 và số 13/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Nội dung người khởi kiện yêu cầu là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường MD, quận CG trình bày:*

Về nguồn gốc đất: Theo bản đồ năm 1986, thửa số 5, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.554 m², loại đất ruộng, chủ sử dụng là HTX. Theo bản đồ năm 1994, thửa số 157, tờ bản đồ số 5, diện tích 277 m², loại đất không thể hiện (theo sổ mục kê ruộng đất năm 1994 chỉ thể hiện đến hết thửa 144).

Đối với diện tích của bà Nguyễn Thị H nằm trong chỉ giới GPMB dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long. UBND phường MD quy chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H. Hộ ông Nguyễn Tuấn X và bà Phương Thị D là chủ sở hữu tài sản trên đất. Nguồn gốc đất là đất nông nghiệp, gia đình tự ý chuyển đổi xây dựng công trình khoảng năm 1994. Hiện UBND phường không có hồ sơ tài liệu lưu giữ về việc xử lý vi phạm về xây dựng.

Căn cứ xác nhận nguồn gốc đất số 932/UBND-ĐC ngày 16/9/2016, UBND phường đã căn cứ vào hệ thống bản đồ và sổ mục kê năm 1986, 1994, danh sách chủ sử dụng đất nông nghiệp ngày 29/4/2016 của HTX và danh sách quy chủ ngày 12/8/2016 của HTX kinh doanh tổng hợp và dịch vụ nông nghiệp MD về việc quy chủ sử dụng đất và văn bản số 04/CV-HTX ngày 18/8/2016 của HTX KDTH&DVNN MD về việc rà soát, kiểm tra, xác minh đối với các hộ sử dụng đất nông nghiệp chưa được giao. Sổ bộ thuế nông nghiệp phường MD năm 2008, phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư.

Giữ nguyên ý kiến như tại bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, UBND phường MD có trình bày thêm:

Việc ông X và bà H ly hôn, UBND phường không có các hồ sơ tài liệu liên quan.

Toàn bộ diện tích đã đền bù cho bà H bao gồm cả diện tích đất của ông X và bà D là theo đúng hiện trạng và hồ sơ tài liệu hiện UBND phường đang lưu giữ.

**** Luật sư của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn X thay mặt ông X trình bày:***

Thứ nhất, về nguồn gốc của diện tích đất: Ông Nguyễn Tuấn X và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1969. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị H nhập khẩu theo chồng về xã MD, huyện Từ Liêm. Ông X và bà H vào Hợp tác xã và trở thành xã viên của HTX nông nghiệp MD. Là một hộ gia đình hai vợ chồng ông X và bà H được HTX cấp cho một số diện tích đất nông nghiệp để canh tác (trong đó có 456 m² đất tại các thửa đất số 157 (1P) - diện tích 143,4 m²; thửa đất số 156 (1P) - diện tích 313,7 m²). Như vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên là thuộc quyền sử dụng chung của hai vợ chồng.

Thứ hai, về phân chia tài sản khi ly hôn: Theo Quyết định số 92 ngày 24/8/1983 của Tòa án huyện Từ Liêm, ông X và bà H chỉ phân chia tài sản về

quyền sử dụng đất ở. Đối với diện tích đất nông nghiệp, Tòa án không giải quyết. Do vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng chung của ông bà. Sau khi ly hôn cho đến thời điểm hiện tại, ông X và bà H không có bất kỳ văn bản nào về việc phân chia tài sản là đất nông nghiệp. Các cơ quan có thẩm quyền chưa xem xét một cách thấu đáo về quyền lợi của ông X, bà H. Về nguồn gốc thì bà H không phải là người ở MD, sau khi kết hôn, bà mới được cấp đất nông nghiệp. Khi ly hôn ông bà chỉ chia đất thổ cư còn đất nông nghiệp thì cứ thẳng nhà ai nhà đó sử dụng và nộp thuế hàng năm.

Thứ ba, theo Văn bản số 764/UBND-GPMB ngày 30/6/2017 của UBND quận CG có nêu đề xuất: “Đề giải quyết dứt điểm đơn kiến nghị và đảm bảo quyền lợi cho 2 hộ gia đình bà H, ông X đã ly hôn và bị thu hồi đất có diện tích lớn, UBND quận CG kính đề nghị UBND thành phố cho phép UBND quận CG được tách riêng phương án đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn X theo 2 thửa đất thực tế 02 hộ gia đình đang sử dụng theo chính sách đặc thù được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho dự án”.

Vì các lý do trên ông X đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 và quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND quận CG và yêu cầu phải bồi thường thêm cho ông X một suất đền bù giống như bà H.

**** Luật sư của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phương Thị D thay mặt bà D trình bày:***

Việc mua bán đất giữa ông X, bà H cho gia đình bà D từ năm 1993, có văn bản viết tay giữa gia đình bà D với ông X, bà H. Việc mua bán này là hợp pháp gia đình có đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước từ thời điểm mua cho đến nay. Từ năm 1993, gia đình bà D ăn ở ổn định từ đó cho đến nay. Việc Nhà nước không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà D đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Qua phân tích và những lý do nêu trên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 điều 20 Nghị định 43 của Chính phủ, Nghị định 47 của Chính phủ, khoản 1 điều 100 Luật đất đai đề nghị hủy Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 ngày 03/10/2016 của UBND quận CG và có phương án bồi thường cho gia đình bà D theo quy định của pháp luật.

* Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2020/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 15/10/2016 và Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 15/10/2016 của UBND quận CG, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông, bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn thể hiện quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông X:

Ông Nguyễn Tuấn X và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1969, sau đó bà H nhập khẩu về xã MD. Ông X và bà H vào Hợp tác xã và được HTX cấp cho một số diện tích đất nông nghiệp để canh tác. Như vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên là thuộc quyền sử dụng chung của hai vợ chồng. Quyết định số 92 ngày 24/8/1983 của Tòa án huyện Từ Liêm, ông X và bà H chỉ phân chia tài sản về quyền sử dụng đất ở, Tòa án không giải quyết diện tích đất nông nghiệp. Do vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng chung của ông bà. Thực tế, ông X, bà H đã tự phân chia đất nông nghiệp cho nhau sử dụng và năm 1997, UBND xã đã chứng nhận việc ông bà chia đất cho các con. Mặt khác, sổ quản lý ruộng đất của HTX có sự tẩy xóa nhưng chưa được làm rõ và quá trình giải quyết vụ án cũng không đưa HTX vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông X.

- Quan điểm bài luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà D:

Việc mua bán đất giữa bà D với ông X, bà H thực hiện từ năm 1993, có văn bản viết tay giữa các gia đình và bà D đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước từ thời điểm mua cho đến nay. Căn cứ khoản 1 điều 20 Nghị định 43 của Chính phủ, Nghị định 47 của Chính phủ, khoản 1 điều 100 Luật đất đai thì bà D là người sử dụng đất thực tế độc lập được pháp luật thừa nhận nên khi thu hồi đất thì phải có phương án bồi thường cho gia đình bà D theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà H có đơn khởi kiện năm 2016 nhưng đến năm 2019, Tòa án cấp sơ thẩm mới thụ lý là vi phạm thủ tục tố tụng; Tòa án cấp phúc thẩm vi phạm về thời hạn xét xử phúc thẩm nhưng do dịch bệnh; người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt là không trái quy định. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại pH tòa thấy: Bà D có yêu cầu độc lập, ông X có yêu cầu của riêng mình, các yêu cầu này tuy là trùng khớp với yêu cầu của người khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không đánh giá, nhận định là thiếu sót; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà D nhận chuyển nhượng đất là không đúng quy định của pháp luật, đất quy chủ là của bà H, việc chính quyền không thu hồi đất của ông X cũng như bà D nên không có phương án bồi thường cho ông X, bà D là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại pH tòa; nghe các ý kiến trình bày của phía người khởi kiện, xem xét ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 3958 ngày 03/10/2016 của UBND quận CG về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III (đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long) và Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND quận CG về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Đây là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện quản lý đất đai, người bị kiện là UBND quận CG và vụ án còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D có đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, Điều 33 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội việc UBND quận CG ban hành quyết định thu hồi đất cũng như quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với người bị thu hồi đất để xây dựng thực hiện dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III (đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long) là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 của UBND quận CG; yêu cầu phải bồi thường thêm cho ông X một suất đền bù giống như của bà, vì năm 1983, bà và ông X được Tòa án huyện Từ Liêm giải quyết ly hôn nhưng chưa chia tài sản là đất này nên đây là đất chung của bà với ông Nguyễn Tuấn X.

- Xét nguồn gốc đất, người sử dụng đất bị thu hồi:

Tại xác nhận số 932/UBND-ĐC ngày 16/9/2016, UBND phường MD đã xác định về loại đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trong đó nêu:

- Người sử dụng đất: Nguyễn Thị H; HKTT: Tổ 1, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội.

- Người sở hữu tài sản trên đất: Nguyễn Tuấn X; HKTT: Tổ 1, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội.

- Người sở hữu tài sản trên đất: Phương Thị D; HKTT: Số 466, tổ 19, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ bị thu hồi: Xứ đồng Đồng Côm.
- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 277,4 m².
- Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tại dự án: 264,1 m².

+ Diện tích đất nông nghiệp được giao: 153,6 m²; chiếm 32% đất nông nghiệp trong số 480 m² được giao. Gia đình tự chuyển đổi xây dựng công trình để kinh doanh khoảng năm 1994.

+ Diện tích đất nông nghiệp có trong sổ quản lý của HTX: 480 m²; số thứ tự: 46, đội sản xuất: Đồng Xa 2, xứ đồng: Đồng Côm, tên chủ sử dụng: Nguyễn Thị H; Diện tích đất nông nghiệp có trong sổ bộ thuế của UBND phường: 480 m²; năm 2008; số thứ tự: 39, đội sản xuất: Đồng Xa 2, tên chủ sử dụng: Nguyễn Thị H.

+ Diện tích đất gia đình tự ý sử dụng đất nông nghiệp do HTX quản lý: 89,6 m². Khoảng năm 1994, gia đình tự ý chuyển đổi xây dựng công trình để kinh doanh.

+ Diện tích đất lấn chiếm: 20,9 m². Trong đó: Diện tích đất lấn giao thông 20,9 m² (theo bản đồ năm 1994) do UBND phường quản lý. Thời điểm sử dụng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004.

Như vậy, hộ gia đình nhà bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tuấn X đều là xã viên HTX được giao 2 thửa đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB nhưng chỉ đứng tên bà Nguyễn Thị H trong sổ theo dõi của HTX (thửa đất số 147, diện tích trong chỉ giới GPMB: 264,1 m². Thửa đất số 148, diện tích trong chỉ giới GPMB: 359,8 m²).

Do ông X không đứng tên đối với các thửa đất bị thu hồi nên cơ quan có thẩm quyền không quyết định thu hồi đất đối với ông X, không có phương án bồi thường đất đối với ông X là đúng pháp luật. Quá trình thu hồi, bồi thường đất thì chủ sử dụng đất có tên là bà Nguyễn Thị H đã được hưởng đủ hạn mức hỗ trợ về đất theo chính sách đặc thù nêu trên tại thửa đất có diện tích thu hồi là 359,8 m². Do vậy, khi thu hồi thửa đất 264,1 m², bà H chỉ được xem xét bồi thường, hỗ trợ về đất theo giá đất nông nghiệp hiện hành là có căn cứ theo điểm 1 mục II Thông báo số 304/TB-UBND: “Trường hợp tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Hỗ trợ bằng 40% đơn giá sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí đơn giá quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội đối với diện tích đất thực tế có xây dựng công trình phục vụ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp bị thu hồi nhưng tối đa không quá 90 m²/chủ sử dụng”.

Đối với việc chuyển nhượng đất giữa ông X, bà H cho gia đình bà D từ năm 1993, chỉ có văn bản viết tay giữa gia đình bà D với ông X, bà H. Việc mua bán này được thực hiện năm 1993 là không hợp pháp và không được cơ quan Nhà nước thừa nhận. Nhà nước không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bà D là đúng quy định nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 của UBND quận CG.

Tại phiên tòa hôm nay, tuy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cũng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội. Tuy không được chấp nhận kháng cáo nhưng do bà D, ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Từ các phân tích trên thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H không kháng cáo; đối với yêu cầu của ông X, bà D thì tại cấp sơ thẩm bà D có yêu cầu độc lập hoàn toàn trùng khớp với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là yêu cầu hủy Quyết định số 3958 và Quyết định số 3975 của UBND quận CG, đáng ra khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm phải có đánh giá xem xét đến yêu cầu độc lập này, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá xem xét là thiếu sót cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án và quyền lợi, nghĩa vụ của bà D, ông X không bị ảnh hưởng. Do đó, việc hủy bản án sơ thẩm xét thấy là không cần thiết.

Vì các lẽ trên; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 224/2020/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Tuấn X, bà Phương Thị D.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn